

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

CÔNG TY CP ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ : Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Hải, Hải Phòng

Mã số thuế : 0200168458

Mã chứng khoán : TSB

**CÔNG
TY CỔ
PHẦN
ÁC QUY
TIA
SÁNG**

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
ÁC QUY TIA SÁNG
DN: C=VN, S=HẢI
PHÒNG, L=An Dương,
CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN ÁC QUY TIA
SÁNG,
OID.0.9.2342.1920030
0.100.1.1=
MST:0200168458
Reason: I am the
author of this document
Location:
Foxit PDF Reader
Version: 2024.4.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2026

Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng

NỘI DUNG

	Trang
1 . Nội dung	1
2 . Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3 . Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	4 - 5
4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý I năm 2026	6
5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý I năm 2026	7
6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý I năm 2026	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BCN ngày 22 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Công ty Ác quy Tia Sáng thành Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200168458, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Đại lộ Tôn Đức Thắng, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên
Ông Phùng Trọng Tú	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Lương Văn Tuyến	Thành viên

Ngày 19/03/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường nhằm xem xét, thông qua việc miễn nhiệm đối với ông Đào Hữu Huyền – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Đào Hữu Duy Anh – Thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị mới. Đại hội dự kiến được tổ chức vào ngày 13/05/2026.

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Trọng Tú	Giám đốc
Ông Lương Văn Tuyến	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phùng Trọng Tú (Giám đốc)

Các thành viên Ban Kiểm soát toán bao gồm:

Bà Hoàng Thúy Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đình Trung	Thành viên
Bà Vũ Thu Hiền	Thành viên

Ngày 19/03/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường nhằm xem xét, thông qua việc miễn nhiệm đối với Bà Hoàng Thúy Hà – Trưởng Ban kiểm soát, đồng thời bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát mới. Đại hội dự kiến được tổ chức vào ngày 13/05/2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ quý I năm 2026 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phùng Trọng Tú

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.340.434.179	102.561.378.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.1	2.357.741.796	5.185.968.872
1. Tiền	111		2.357.741.796	5.185.968.872
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.2	16.100.000.000	18.600.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		16.100.000.000	18.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.195.434.439	14.837.613.348
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	III.3	21.869.943.246	18.552.113.570
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.472.517.766	716.409.392
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	III.4	832.942.842	549.059.801
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(4.979.969.415)	(4.979.969.415)
IV. Hàng tồn kho	140	III.6	66.871.385.988	60.034.081.447
1. Hàng tồn kho	141		67.202.727.823	60.365.423.282
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(331.341.835)	(331.341.835)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.815.871.956	3.903.715.022
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	III.9a	558.001.694	448.337.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		4.025.698.811	2.940.223.151
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	III.14	232.171.451	515.154.016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.990.507.167	21.759.830.536
I. Tài sản cố định	220		18.920.766.312	20.254.430.170
1. Tài sản cố định hữu hình	221	III.8	17.920.766.312	19.254.430.170
- Nguyên giá	222		152.475.737.007	152.475.737.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.554.970.695)	(133.221.306.837)
2. Tài sản cố định vô hình	227	III.10	1.000.000.000	1.000.000.000
- Nguyên giá	228		1.000.000.000	1.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	151.201.641
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	III.7	-	151.201.641
III. Tài sản dài hạn khác	270		1.069.740.855	1.354.198.725
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	III.9b	1.069.740.855	1.354.198.725
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		129.330.941.346	124.321.209.225

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.148.021.429	46.850.294.034
I. Nợ ngắn hạn	310		52.921.442.981	46.623.715.586
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	III.11	7.276.570.516	7.075.235.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.679.465.466	1.222.811.694
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.14	-	257.803.206
4. Phải trả người lao động	315		1.879.603.525	1.926.908.958
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	III.12a	178.916.126	147.163.407
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	III.15a	4.250.137.212	194.968.585
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	III.13	34.592.423.427	35.734.497.665
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		64.326.709	64.326.709
II. Nợ dài hạn	330		226.578.448	226.578.448
1. Phải trả dài hạn khác	338	III.15b	226.578.448	226.578.448
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	III.16	76.182.919.917	77.470.915.191
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		67.454.800.000	67.454.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		67.454.800.000	67.454.800.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.918.517.906	7.918.517.906
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		809.602.011	2.097.597.285
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		2.097.597.285	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(1.287.995.274)	2.097.597.285
TÓNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.330.941.346	124.321.209.225

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hòa

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Giám đốc

Phùng Trọng Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2026

Quý I

Lũy kế từ đầu năm đến
cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	48.997.206.557	43.629.986.898	48.997.206.557	43.629.986.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	5.112.181.749	1.092.626.114	5.112.181.749	1.092.626.114
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	43.885.024.808	42.537.360.784	43.885.024.808	42.537.360.784
4. Giá vốn hàng bán	11	21	38.972.420.078	37.167.110.504	38.972.420.078	37.167.110.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.912.604.730	5.370.250.280	4.912.604.730	5.370.250.280
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	413.060.039	616.765.351	413.060.039	616.765.351
7. Chi phí tài chính	23	23	191.208.065	223.121.936	191.208.065	223.121.936
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		157.729.672	218.346.360	157.729.672	218.346.360
8. Chi phí bán hàng	25	26a	3.673.907.832	4.102.687.256	3.673.907.832	4.102.687.256
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26b	1.556.152.361	1.408.986.311	1.556.152.361	1.408.986.311
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(95.603.489)	252.220.128	(95.603.489)	252.220.128
11. Thu nhập khác	31	24	6.111.560	-	6.111.560	-
12. Chi phí khác	32	25	747.882.685	-	747.882.685	-
13. Lợi nhuận khác	40		(741.771.125)	-	(741.771.125)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(837.374.614)	252.220.128	(837.374.614)	252.220.128
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	450.620.660	50.444.026	450.620.660	50.444.026
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(1.287.995.274)	201.776.102	(1.287.995.274)	201.776.102
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(191)	30	(191)	30

Người lập biểu



Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thóa

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2026



Giám đốc



Phùng Trọng Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(837.374.614)	252.220.128
2. Điều chỉnh cho các khoản			1.224.590.342	1.059.015.610
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.333.663.858	1.277.302.719
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(266.803.188)	(436.633.469)
- Chi phí đi vay	06		157.729.672	218.346.360
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		387.215.728	1.311.235.738
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.065.452.541)	(2.691.877.818)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.837.304.541)	(15.938.401.613)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.682.759.327	17.228.896.920
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		174.794.031	(224.041.456)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(151.995.419)	(213.233.817)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(699.312.607)	(329.360.855)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(1.108.191.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.509.296.022)	(1.964.974.895)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		151.201.641	(3.082.800.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(10.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.500.000.000	8.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		171.941.543	203.932.108
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.823.143.184	(4.878.867.892)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		24.103.466.948	45.401.067.737
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.245.541.186)	(42.766.820.418)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.142.074.238)	2.634.247.319
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.828.227.076)	(4.209.595.468)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.185.968.872	5.850.968.675
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	III.1	2.357.741.796	1.641.373.207

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hòa

Giám đốc

Phạm Trọng Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BCN ngày 22/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Ắc quy Tia sáng thành Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200168458 (mã số cũ: 02030001032), đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Đại lộ Tôn Đức Thắng, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 67.454.800.000 VND, được chia thành 6.745.480 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Trong đó Tập đoàn Hoá chất Đức Giang sở hữu 3.440.252 cổ phần tương đương 34.402.520.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất ắc quy các loại

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy.
- Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nguyên liệu; vật tư sản xuất ắc quy; Bán buôn phụ tùng ắc quy.

Cấu trúc doanh nghiệp

* Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Chi nhánh Hà Nội	Số 18/44 Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 800 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Số 63 Đường S11, Phường Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

* Số lao động: Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có 160 lao động.

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán kỳ này: Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá trung bình giữa tỷ giá mua - bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty có phát sinh giao dịch thường xuyên;

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng đến một năm và được ghi nhận theo giá gốc.

8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không khấu hao	

9. Chi phí chờ phân bổ

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí lãi vay".

13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

19. Chi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do tỷ giá hối đoái của nghiệp vụ phát sinh có liên quan đến ngoại tệ

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty là Công ty CP tập đoàn Hoá chất Đức Giang với tư cách là Công ty mẹ, các công ty con, Công ty liên kết do Công ty mẹ đầu tư và chi phối hoặc có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Tiền mặt	610.222.308	638.290.641
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.747.519.488	4.547.678.231
	2.357.741.796	5.185.968.872

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2026	01/01/2026
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	16.100.000.000	18.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	16.100.000.000	18.600.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-
	16.100.000.000	18.600.000.000

(i) Tại ngày 31/03/2026, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 đến 12 tháng có tổng giá trị 16.100.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng; Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hoàng Cầu và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch với lãi suất từ 4,5% đến 7,3%/năm.

3. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2026	01/01/2026
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.958.166	39.945.182
Bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	6.570.806	29.004.782
- Công ty cổ phần phốt pho Apatit Việt Nam	7.484.400	-
- Công ty TNHH Văn Minh	1.902.960	10.940.400
Bên khác	21.853.985.080	18.512.168.388
- Mohammed Abdullall Sabr for Import	-	2.912.653.826
- TM SKY Limited	-	1.122.375.463
- Abdulsalam Altaheri Stores	1.318.050.813	-
- Công ty Cổ phần BMC Vĩnh Phúc	2.018.520.000	557.496.000
- Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ TN Việt Nam	885.787.397	-
- Công ty TNHH năng lượng Trường An	463.320.000	-
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ CTC Toàn Cầu	461.963.642	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	16.706.343.228	13.919.643.099
	21.869.943.246	18.552.113.570

b) Dài hạn**4. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC**

	31/03/2026	01/01/2026
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải thu về lãi tiền gửi	468.226.031	373.364.386
- Phải thu về tạm ứng	256.587.895	146.789.499
- Kỳ cược, ký quỹ	91.223.000	12.000.000
- Phải thu khác	16.905.916	16.905.916
	832.942.842	549.059.801

b) Dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**5. NỢ XẤU VÀ KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Duy Thịnh	838.646.000	-	838.646.000	-
- Công ty TNHH DVTM Hồng Hà	482.504.836	-	482.504.836	-
- DNTN TM&DV Thiện Ngân	440.000.007	-	440.000.007	-
- Công ty TNHH Phong Lâm	431.170.879	-	431.170.879	-
- Cửa hàng ắc quy Trường Nhật	399.330.910	-	399.330.910	-
- Các đối tượng khác	2.527.792.262	139.475.479	2.527.792.262	139.475.479
	5.119.444.894	139.475.479	5.119.444.894	139.475.479

6. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	38.789.848.327	-	35.282.495.923	-
- Công cụ, dụng cụ	5.774.434.786	-	6.102.615.669	-
- Sản phẩm	19.212.628.232	(331.341.835)	14.650.706.002	(331.341.835)
- Hàng hoá	34.926.139	-	54.348.906	-
- Hàng gửi đi bán	3.390.890.339	-	4.275.256.782	-
	67.202.727.823	(331.341.835)	60.365.423.282	(331.341.835)

7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Sửa chữa lớn	-	151.201.641
- Sửa chữa lò sấy ủ lá cục	-	151.201.641
	-	151.201.641

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Trang 14)

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	373.855.692	202.809.855
- Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	184.146.002	245.528.000
	558.001.694	448.337.855
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	552.003.250	666.925.291
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	517.737.605	687.273.434
	1.069.740.855	1.354.198.725

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/3/2026 của Công ty có nguyên giá 1 tỷ VND là quyền sử dụng đất lâu dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 572895 ngày 10/08/2011, diện tích 200,8 m² tại lô đất số 800 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng. Lô đất hiện được sử dụng để mở Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN AC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	25.274.880.414	113.253.471.508	4.390.711.010	452.958.000	9.103.716.075	152.475.737.007
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	25.274.880.414	113.253.471.508	4.390.711.010	452.958.000	9.103.716.075	152.475.737.007
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	19.291.084.792	101.817.167.847	4.001.660.332	452.958.000	7.658.435.866	133.221.306.837
- Khấu hao trong kỳ	232.339.019	928.931.750	9.953.703	-	162.439.386	1.333.663.858
Số dư cuối kỳ	19.523.423.811	102.746.099.597	4.011.614.035	452.958.000	7.820.875.252	134.554.970.695
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	5.983.795.622	11.436.303.661	389.050.678	-	1.445.280.209	19.254.430.170
Tại ngày cuối kỳ	5.751.456.603	10.507.371.911	379.096.975	-	1.282.840.823	17.920.766.312

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

87.522.899.431 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/03/2026	01/01/2026
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Bên liên quan</i>	27.174.749	550.224.204
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	2.160.656	137.698.191
- Công ty TNHH Văn Minh	25.014.093	412.526.013
<i>Bên khác</i>	7.249.395.767	6.525.011.158
- Công ty CP Nhựa Cơ khí & XD Thuận Hưng	-	304.128.000
- Thai United Industry CO.,Ltd	-	715.627.265
- Công ty TNHH Ắc Quy Green Cao Bằng	3.325.276.649	-
- Công ty TNHH Công Nghệ Hoa Quân	870.578.712	-
- Huizhou Hilong New Material Technology Co.,LTD.	-	266.724.224
- Công ty TNHH Kim Vũ Minh	446.009.886	263.687.551
- Công ty TNHH Hoa Tháp	316.116.000	546.614.568
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Văn Giang - Văn Nam	-	1.267.497.241
- Các khoản phải trả khác	2.291.414.520	3.160.732.309
	7.276.570.516	7.075.235.362
b) Dài hạn		

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	12.831.348	7.097.095
Chi phí thuê VP trích trước	45.000.000	45.000.000
Chi phí dịch vụ logistic trích trước	121.084.778	95.066.312
	178.916.126	147.163.407
b) Dài hạn		

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(Trang 16)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(Trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2026		Trong kỳ		31/03/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	35.734.497.665	35.734.497.665	24.103.466.948	25.245.541.186	34.592.423.427	34.592.423.427
BIDV (i)	17.066.232.952	17.066.232.952	24.103.466.948	6.577.276.473	34.592.423.427	34.592.423.427
Vietinbank (ii)	18.668.264.713	18.668.264.713	-	18.668.264.713	-	-
Cộng vay ngắn hạn	35.734.497.665	35.734.497.665	24.103.466.948	25.245.541.186	34.592.423.427	34.592.423.427

(i) Khoản vay ngắn hạn của công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo hợp đồng số 01/2025/5131017/HĐTD ký ngày 21/04/2025 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ Đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

(ii) Khoản vay ngắn hạn của công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội theo hợp đồng số 01/2025-HĐCVHM/NHCT106-TIBACO ký ngày 18/09/2025 với hạn mức tín dụng là 35 tỷ Đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Vay dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
	Phải thu 01/01/2026	Phải nộp 01/01/2026	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu 31/03/2026	Phải nộp 31/03/2026
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.094.195.711	1.231.675.404	137.479.693	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	4.475.500	4.475.500	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	248.691.947	450.620.660	699.312.607	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	9.111.259	(2.053.265)	12.170.249	5.112.255	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	515.154.016	-	425.574.513	-	89.579.503	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	490.721.485	490.721.485	-	-
	515.154.016	257.803.206	2.463.534.604	2.438.355.245	232.171.451	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	116.575.503	87.086.676
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.133.561.709	107.881.909
- Hỗ trợ bán hàng	67.983.000	39.022.000
- Quỹ từ thiện, an sinh xã hội	65.078.709	65.078.709
- Các khoản phải trả khác	4.000.500.000	3.781.200
	4.250.137.212	194.968.585
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	226.578.448	226.578.448
	226.578.448	226.578.448

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	67.454.800.000	7.738.382.855	5.214.771.051	80.407.953.906
Lãi trong kỳ trước	-	-	201.776.102	201.776.102
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	180.135.051	(492.935.051)	(312.800.000)
Quỹ đầu tư phát triển	-	180.135.051	(180.135.051)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(312.800.000)	(312.800.000)
Chia cổ tức	-	-	(4.721.836.000)	(4.721.836.000)
Số dư cuối kỳ trước	67.454.800.000	7.918.517.906	201.776.102	75.575.094.008
Số dư đầu năm nay	67.454.800.000	7.918.517.906	2.097.597.285	77.470.915.191
Lãi trong kỳ này	-	-	(1.287.995.274)	(1.287.995.274)
Chia cổ tức	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	67.454.800.000	7.918.517.906	809.602.011	76.182.919.917

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tập đoàn hóa chất Đức Giang	34.402.520.000	51,00%	34.402.520.000	51,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	33.052.280.000	49,00%	33.052.280.000	49,00%
	67.454.800.000	100%	67.454.800.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/03/2026	01/01/2026
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	67.454.800.000	67.454.800.000
- Vốn góp cuối kỳ	67.454.800.000	67.454.800.000

d) Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.745.480	6.745.480
- Cổ phiếu phổ thông	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.745.480	6.745.480
- Cổ phiếu phổ thông	6.745.480	6.745.480
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.918.517.906	7.918.517.906
	7.918.517.906	7.918.517.906

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường An Hải, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất từ ngày 01/12/1994 đến ngày 01/12/2044 với diện tích khu đất thuê là 34.894 m² và tại phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng để sử dụng mục đích xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043 với diện tích 106 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/03/2026	01/01/2026
- Đô la Mỹ	USD	1.811,02	48.108,09

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	48.997.206.557	43.629.986.898
	48.997.206.557	43.629.986.898
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	76.673.360	52.202.320
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)		

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	904.427.365	1.092.626.114
Hàng bán bị trả lại	4.207.754.384	-
	5.112.181.749	1.092.626.114

20. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	43.885.024.808	42.537.360.784
	43.885.024.808	42.537.360.784

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	38.972.420.078	37.167.110.504
	38.972.420.078	37.167.110.504

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	266.803.188	436.633.469
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	146.256.851	180.131.882
	413.060.039	616.765.351

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí đi vay	157.729.672	218.346.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	33.478.393	4.775.576
	191.208.065	223.121.936

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**24. THU NHẬP KHÁC**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác	6.111.560	-
	6.111.560	-

25. CHI PHÍ KHÁC

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí khác	747.882.685	-
	747.882.685	-

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**a) Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm:**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.720.401	120.317.602
Chi phí nhân công	1.137.886.520	1.148.175.662
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	14.917.874	8.003.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.490.247	40.490.247
Thuế, phí và lệ phí	14.076.320	15.900.015
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	608.466.191	635.369.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	852.281.818	1.102.744.638
Chi phí khác bằng tiền	891.068.461	1.031.686.066
	3.673.907.832	4.102.687.256

b) Các khoản chi phí quản lý chủ yếu bao gồm:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.103.399	17.337.405
Chi phí nhân công	637.110.127	620.624.891
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	24.159.040	12.214.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.275.017	137.275.017
Thuế, phí và lệ phí	427.974.513	260.149.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.097.917	300.241.240
Chi phí khác bằng tiền	40.432.348	61.144.076
	1.556.152.361	1.408.986.311

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(837.374.614)	252.220.128
Các khoản điều chỉnh tăng	747.882.685	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(89.491.929)	252.220.128
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	50.444.026
Nộp bổ sung thuế TNDN	450.620.660	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	248.691.947	329.360.855
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(699.312.607)	(329.360.855)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính	-	50.444.026

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.287.995.274)	201.776.102
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.287.995.274)	201.776.102
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.745.480	6.745.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(191)	30

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Công ty mẹ
- Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - CN Lào Cai	Chi nhánh công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắc Nông	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Văn Minh	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	76.673.360	52.202.320
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	37.231.360	26.578.320
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	28.896.000	25.624.000
- Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam	6.930.000	-
- Công ty TNHH Văn Minh	3.616.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	609.318.866	4.253.925.639
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	60.979.890	4.184.553.110
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	-	33.828.631
- Công ty TNHH Văn Minh	548.338.976	35.543.898
Mua tài sản cố định	-	3.082.800.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	-	3.082.800.000

30. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**a) Theo lĩnh vực kinh doanh**

Do hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh ắc quy nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) Theo lĩnh vực địa lý

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng toàn
	VND	VND	Doanh nghiệp
			VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	34.722.661.420	9.162.363.388	43.885.024.808
Tài sản bộ phận	20.549.167.386	1.320.775.860	21.869.943.246
Tài sản không phân bổ	-	-	107.460.998.100
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-

31. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu



Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thỏa

Giám đốc



Phùng Trọng Tú